TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LV** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66/2024/QĐST-HNGĐ	*LV, ngày 17 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 115/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc N, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Số 371, ấp B, xã T, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Số 510, ấp A, xã B1, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 371, ấp B, xã T, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Ngọc N và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Nhật N, sinh ngày 31/7/2012 cho chị Bùi Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Nguyễn Nhật N hiện đang do chị N nuôi dưỡng).

Chị Bùi Thị Ngọc N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Nguyễn Nhật N.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Ngọc N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Nhật N. Anh Nguyễn Văn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Bùi Thị Ngọc N.

2.3. Về chia tài sản: Chị Bùi Thị Ngọc N và anh Nguyễn Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Bùi Thị Ngọc N và anh Nguyễn Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc N tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007354, ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Chị N được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
(GCNKH số 101 ngày ĐK 01/7/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Trần Hiến Cương